

Số: 1058/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo Quản trị Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
trình độ đại học (ngành Quản trị kinh doanh)**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và Nghị quyết số 191/NQ-HĐHV ngày 12/4/2025 về Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-HV ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông ban hành Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Viện Trưởng Viện VLGM,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Chương trình đào tạo Quản trị Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trình độ đại học (ngành Quản trị kinh doanh)** của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Giám đốc Phụ trách Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Chính trị & Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý Khoa học công nghệ & hợp tác quốc tế; Trưởng Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa đào tạo 1 và 2, Trưởng Bộ môn Marketing, Viện Trưởng Viện Lãnh đạo, Quản trị và Quản lý Việt Nam và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Ban Giám đốc HV;
- Lưu VT, ĐT (03).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS Trần Quang Anh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Quản trị Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Innovation Management and Entrepreneurship
Ngành đào tạo (tiếng Việt):	Quản trị kinh doanh
Ngành đào tạo (tiếng Anh):	Business Administration
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành:	7340101
Hình thức đào tạo:	Chính quy

(Kèm theo Quyết định số ~~1058~~ **1058** QĐ-HV ngày **22** tháng **4** năm 2026 của Giám đốc Học viện)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Quản trị đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (ngành Quản trị kinh doanh) được xây dựng nhằm đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có kiến thức nền tảng vững chắc về quản trị, kinh tế, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Sinh viên tốt nghiệp chương trình có kỹ năng nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, tư duy đổi mới sáng tạo, khả năng ứng dụng công nghệ và dữ liệu trong quản trị; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong tổ chức và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; có tinh thần khởi nghiệp, học tập suốt đời, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe, trách nhiệm xã hội và ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế tri thức, kinh tế số và hội nhập quốc tế. Đồng thời, đảm bảo triết lý giáo dục “*Tri thức – Sáng tạo – Đạo đức - Trách nhiệm*” của Học viện, hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực “*vừa có tài vừa có đức*” để đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước và nhân loại.

1.2. Mục tiêu cụ thể (PROGRAMME OBJECTIVE – POs)

PO1 – Hình thành nền tảng tri thức và năng lực chuyên môn

Trang bị cho người học hệ thống kiến thức hiện đại và tích hợp trong các lĩnh vực quản trị kinh doanh, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; phát triển năng lực phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề một cách hệ thống và phản biện trong bối cảnh môi trường kinh doanh số; có

khả năng nhận diện cơ hội đổi mới, xây dựng và quản trị các mô hình kinh doanh mới trong tổ chức và doanh nghiệp.

PO2 – Phát triển tư duy sáng tạo và năng lực khởi nghiệp

Bồi dưỡng tư duy phản biện, khả năng sáng tạo và đổi mới trong quá trình ra quyết định và tổ chức hoạt động kinh doanh; khơi dậy và nuôi dưỡng tinh thần khởi nghiệp, khả năng thích ứng linh hoạt và chủ động tạo lập và phát triển giá trị mới trong điều kiện biến động của nền kinh tế số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

PO3 – Bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội

Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động quản trị kinh doanh; đề cao tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội; hướng đến phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo có trách nhiệm và xây dựng hình ảnh công dân toàn cầu trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa.

PO4 – Phát triển kỹ năng nghề nghiệp và năng lực cá nhân trong quản trị

Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hợp tác và làm việc hiệu quả trong môi trường đa ngành và đa văn hóa; nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị, tư duy chiến lược và khả năng thích ứng với thay đổi; tự học và phát triển bản thân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp bền vững trong điều kiện biến động của nền kinh tế số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

2. CHUẨN ĐẦU RA (Learning Outcomes - LOs)

Các chuẩn đầu ra (LOs), mức độ năng lực và các chỉ báo (Performance Indicator - PIs) của chương trình đào tạo như sau:

Chuẩn đầu ra (LOs)	Mức độ năng lực	Các chỉ báo (PIs)
LO1. Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế và quản lý vào hoạt động quản trị kinh doanh	C4, P3	<i>PI 1.1. Nhận diện các vấn đề cần giải quyết thuộc lĩnh vực kinh tế, quản trị, quản lý, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp</i> <i>PI 1.2. Xác định phương án để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, quản trị, quản lý, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp</i> <i>PI 1.3. Phân tích vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, quản trị, quản lý, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp theo phương án đã lựa chọn trong bối cảnh cụ thể</i>
LO2. Ra quyết định thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh trong tình huống chuyên môn cụ thể.	C6, P3	<i>PI 2.1. Phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định quản trị</i>

Chuẩn đầu ra (LOs)	Mức độ năng lực	Các chỉ báo (PIs)
		<p><i>PI 2.2. Xác định tác động của các yếu tố môi trường kinh doanh và công nghệ đến quyết định quản trị</i></p> <p><i>PI 2.3. Ra quyết định lựa chọn phương án đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp hoặc dự án khởi nghiệp</i></p>
LO3. Phát triển tư duy phân biện, sáng tạo và hệ thống để thực hiện các hoạt động quản trị kinh doanh trong bối cảnh cụ thể.	P3, A3	<p><i>PI 3.1. Xác định các thông tin và dữ liệu phù hợp để nhận diện cơ hội đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp</i></p> <p><i>PI 3.2. Phân biện vấn đề quản trị từ nhiều góc độ khác nhau trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp</i></p>
LO4. Có tinh thần khởi nghiệp và phát triển ý tưởng kinh doanh bền vững	C5, P3	<p><i>PI 4.1. Dự đoán cơ hội đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong bối cảnh thị trường và công nghệ</i></p> <p><i>PI 4.2. Lựa chọn ý tưởng đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp phù hợp dựa trên các tiêu chí về tính khả thi và bền vững</i></p> <p><i>PI 4.3. Xác định mô hình kinh doanh cơ bản cho ý tưởng đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp khả thi</i></p>
LO5. Giao tiếp hiệu quả và sử dụng công nghệ phù hợp trong hoạt động quản trị.	C4, P3	<p><i>PI 5.1. Lựa chọn hình thức giao tiếp và công cụ công nghệ số phù hợp với từng đối tượng và bối cảnh</i></p> <p><i>PI 5.2. Chứng minh các ý tưởng khởi nghiệp, kế hoạch kinh doanh hoặc giải pháp quản trị một cách rõ ràng và logic</i></p>
LO6. Khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, thích nghi với sự thay đổi và hội nhập.	C4, P3	<p><i>PI 6.1 Phác thảo phương án phối hợp và thực hiện các nhiệm vụ trong nhóm làm việc đa ngành</i></p> <p><i>PI 6.2 Điều chỉnh vai trò cá nhân trong nhóm để thích ứng với sự thay đổi môi trường làm việc đa văn hóa và hội nhập</i></p>
LO7. Có ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, cộng đồng và xã hội	C3, A3	<p><i>PI 7.1 Áp dụng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật trong hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp</i></p> <p><i>PI 7.2. Cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội trong các hoạt động kinh doanh, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp</i></p>

(C: miền kiến thức; P: miền kỹ năng; A: miền thái độ; Các mức độ năng lực được xác định trên cơ sở tham chiếu Thang đo cấp độ tư duy Bloom)

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ (Không bao gồm kiến thức giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và Kỹ năng mềm)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ YÊU CẦU ĐẦU VÀO

Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; tham dự và trúng tuyển trong kỳ tuyển sinh đại học chính quy - Tổ hợp môn thi: Toán, Vật lý, Hóa học (A00); Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01); Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01); Toán, Lý, Tin học (X06); Toán, Tin, Anh (X26) hoặc các phương án tuyển sinh riêng theo quy định của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông công bố.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo bậc đại học Quản trị đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp dự kiến được thực hiện trong 4 năm, gồm 8 học kỳ. Trong đó, sinh viên sẽ học 7 học kỳ tích lũy khối kiến thức tại Học viện, bao gồm 01 học phần bootcamp-driven thực hiện trong venture studio hoặc phối hợp cùng Trung tâm đổi mới sáng tạo; 1 kỳ thực tập tốt nghiệp thực tế tại các đơn vị cơ sở và làm dự án đổi mới sáng tạo/khởi nghiệp tốt nghiệp.

Chương trình được đào tạo theo học chế tín chỉ, áp dụng quy chế, quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

5.2. Công nhận tốt nghiệp

Sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế trở lên hoặc tương đương.

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng **Cử nhân Quản trị kinh doanh (định hướng Quản trị Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp)** khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.

6. THANG ĐIỂM

Việc đánh giá kết quả học tập sẽ được đánh giá theo thang điểm tín chỉ. Cụ thể: Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá điểm thành phần của các môn học/học phần.

	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Điểm đạt	Từ 9,0 đến 10,0	A+	4,0
	Từ 8,5 đến 8,9	A	3,7
	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
	Từ 5,0 đến 5,5	D+	1,5
	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
	Không đạt	Dưới 4,0	F
Loại đạt không ghi mức (áp dụng cho các học phần đạt, không tính vào điểm trung bình học tập): Từ 5,0 điểm trở lên, điểm chữ là P.			

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ
1	Khối kiến thức chung	40
1.1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>	27
	- Lý luận chính trị	11
	- Tiếng Anh	14
	- Tin học	2
1.2	<i>Kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội</i>	13
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80
2.1	<i>Kiến thức cơ sở</i>	45
2.2	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	35
3	Thực tập (dự án khởi nghiệp/ĐMST) và Tốt nghiệp	10
	Tổng cộng	130

7.2. Nội dung chương trình đào tạo

7.2.1.1. Khối kiến thức chung

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kì	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3	X		1	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2	X		2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2	X		3	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	BAS1153	2	X		4	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	X		5	
6	Tiếng Anh (Course 1) (*)	BAS1157	4	X		2	
7	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4	X		3	
8	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4	X		4	
9	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2	X		5	
10	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	INT11205	2	X		1	
	Tổng cộng		27				
<i>Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng</i>							
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	2			
2	Giáo dục thể chất	BAS1107	2	2			
3	Giáo dục quốc phòng	BAS1105	7,5				
<i>Kiến thức các môn kỹ năng (chọn 3/6)</i>							
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1		X		
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1		X		
3	Kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt	SKD1103	1		X		
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc	SKD1104	1		X		
5	Kỹ năng giao tiếp	SKD1105	1		X		
6	Kỹ năng tư duy sáng tạo	SKD1107	1		X		
7	Kỹ năng đổi mới sáng tạo	SKD1111	1		X		

(*) Điều kiện để đăng ký học phần tiếng Anh Course 1 trong chương trình là sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh từ 225 điểm theo bài thi TOEIC Placement Test trở lên; các sinh viên chưa đạt mức điểm trên sẽ phải hoàn thành học phần tiếng Anh bổ trợ Course 0 (mã BAS1156). Kế hoạch học tập Học phần tiếng Anh thực hiện theo chương trình chi tiết riêng.

7.2.1.2. Khối kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kì	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
11	Toán cao cấp cho kinh tế	BAS1267	4	X		1	
12	Lý thuyết xác suất và thống kê	BAS1210	3	X		2	
14	Pháp luật và sở hữu trí tuệ	BSA12117	2	X		1	
15	Tâm lý quản lý	BSA1236	2	X		2	
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	X		7	
Tổng cộng			13				

7.2.1.3. Khối kiến thức cơ sở

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kì	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
13	Toán kinh tế	BSA1241	3	X		3	BAS1267
17	Kinh tế vi mô 1	BSA1310	3	X		2	
18	Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	3	X		3	
19	Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề	VLG1301	3	X		3	
20	Kế toán cho kinh doanh	FIA1389	3	X		6	
21	Hành vi tổ chức	BSA1396	3	X		4	BSA1328
22	Quản trị học	BSA1328	3	X		2	
23	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	VLG1302	3	X		4	
24	Marketing căn bản	MAR1322	3	X		4	
<i>Kiến thức cơ sở khối ngành công nghệ và dữ liệu</i>							
25	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý	INT13132	3	X		5	BSA1328
26	Lập trình Python cơ bản	AI1303	3	X		1	
27	Nhập môn khoa học dữ liệu	INT14150	3	X		3	BAS1210
28	Nền tảng phát triển trí tuệ nhân tạo	AI1308	3	X		4	AI1303
<i>Học phần tự chọn – Tổ hợp kinh doanh và quản lý (chọn 2/5)</i>							
29	Văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	BSA13121	3		X	5	BSA1328
30	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	BSA13118	3		X	5	BSA1328

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kì	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
31	Thương mại điện tử căn bản	BSA1365	3		X	5	
32	Kinh doanh quốc tế	BSA1387	3		X	5	BSA1328
33	Quản trị vận hành	BSA14122	3		X	5	BSA1328
<i>Học phần tự chọn – Tổ hợp công nghệ (chọn 2/5)</i>							
34	Nhập môn học máy	AI1309	3		X	5	INT14150
35	Nhập môn học sâu	INT14154	3		X	5	
36	Đạo đức và chính sách trí tuệ nhân tạo	AI1305	3		X	6	
37	An toàn hệ thống thông tin kinh doanh	INT13222	3		X	5	
38	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	FIA14123	3		X	5	
	Tổng cộng		45				

7.2.1.4. Khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kì	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
39	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo	BSA13120	3	X		5	BSA1328
40	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	BSA1489	3	X		5	BSA1328
41	Quản trị tài năng	VLG1403	3	X		6	BSA1328
42	Ứng dụng phân tích dữ liệu trong đổi mới sản phẩm	VLG1404	3	X		6	VLG1301
43	Quản trị dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	VLG1405	3	X		6	VLG1302
44	Tài chính khởi nghiệp	VLG1406	3	X		7	FIA1389
45	Đổi mới mô hình kinh doanh sáng tạo	VLG1407	3	X		7	VLG1301
46	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	BSA14124	3	X		7	BSA1328
47	Quản trị sản phẩm	VLG1408	3	X		7	BSA1328
48	Học phần doanh nghiệp	VLG1409	4	X		6	VLG1301
<i>Học phần tự chọn (2/5)</i>							
49	Quản lý tài sản trí tuệ	VLG1410	2		X	7	

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kì	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
50	E-marketing	MAR1427	2		X	7	
51	Quản trị đa văn hóa	BSA14135	2		X	7	BSA1328
52	Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi	BSA14133	2		X	7	BSA1328
53	Quản trị ESG và phát triển bền vững	VLG1411	2		X	7	VLG1301
	Tổng cộng		35				

7.2.1.5. Thực tập và tốt nghiệp

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kì	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
54	Thực tập	VLG1512	4	X		8	
55	Đồ án tốt nghiệp	VLG1513	6	X		8	VLG1512
	Tổng cộng		10				

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Kế hoạch học tập chuẩn (Chi tiết kèm theo)

Chương trình đào tạo Quản trị đổi mới và sáng tạo của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông được thiết kế triển khai trong 8 học kì chuẩn (tương ứng 4 năm học).

Trình tự các môn học/học phần trong toàn chương trình đào tạo được sắp xếp tương ứng với mục tiêu đào tạo, từ kiến thức chung, đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

8.2. Tiến trình học tập chuẩn (Chi tiết kèm theo)

8.3 Danh sách các học phần tiên quyết, trước sau (Chi tiết kèm theo)

9. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC MÔN HỌC CỐT LÕI

9.1. Kinh tế vi mô 1

Mã học phần: BSA1310

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Không

Mục tiêu: Học phần trang bị các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế như cung cầu và cạnh tranh. Môn học đi sâu vào nghiên cứu hành vi của các thành viên trong nền kinh tế gồm người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ, đồng thời cung cấp các công cụ phân tích để sinh viên áp dụng

vào thực tiễn và các học phần chuyên sâu sau này. Qua đó, người học có thể xác định các phương án lựa chọn tối ưu về tiêu dùng và sản xuất, phương pháp tính toán doanh thu, chi phí, lợi nhuận và hiểu rõ vai trò can thiệp của Chính phủ nhằm khắc phục các thất bại thị trường để đạt hiệu quả cao nhất.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về kinh tế học vi mô
- Lý thuyết cung – cầu
- Lý thuyết hành vi người tiêu dùng
- Lựa chọn trong điều kiện rủi ro
- Lý thuyết hành vi của doanh nghiệp
- Thị trường cạnh tranh hoàn hảo
- Thị trường độc quyền
- Thị trường nửa độc quyền nửa cạnh tranh
- Thị trường các yếu tố sản xuất
- Thông tin, thất bại của thị trường và vai trò của chính phủ

9.2. Kinh tế vĩ mô 1

Mã học phần: BSA1311

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Không

Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học hệ thống lý thuyết và phương pháp phân tích sự vận động của các mối quan hệ kinh tế trên bình diện tổng thể. Là môn khoa học nền tảng, học phần giúp sinh viên nhận diện, phân tích bản chất của các biến đổi kinh tế và xác định nguyên nhân gây mất ổn định ảnh hưởng đến hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế. Qua đó, người học có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích sự vận động của nền kinh tế quốc dân trong mối liên hệ với các yếu tố tự nhiên - xã hội, hỗ trợ việc ra quyết định quản trị trong các tình huống chuyên môn và nghiên cứu các chính sách điều tiết nhằm đạt được các mục tiêu về tăng trưởng, ổn định và công bằng xã hội.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về kinh tế học
- Khái quát về kinh tế học vĩ mô
- Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân
- Tổng cầu và chính sách tài khóa
- Tiền tệ và chính sách tiền tệ

- Tổng cung và chu kỳ kinh doanh
- Thất nghiệp và lạm phát
- Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở

9.3. Kế toán cho kinh doanh

Mã học phần: FIA1389

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Không

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về kế toán và tài chính, bao gồm các khái niệm, phương pháp kế toán, chu trình kế toán cơ bản, kỹ năng lập báo cáo tài chính và phân tích các chỉ số tài chính. Thông qua môn học, sinh viên có khả năng phân tích thông tin kế toán quản trị và tài chính để đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp trong cả ngắn hạn và dài hạn. Đồng thời, học phần hướng dẫn việc áp dụng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm với cộng đồng trong quá trình quản lý doanh nghiệp và công bố thông tin tài chính.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về Kế toán cho kinh doanh
- Các phương pháp kế toán
- Kế toán tài sản
- Kế toán nguồn vốn
- Kế toán bán hàng và xác định kết quả sản xuất kinh doanh
- Báo cáo tài chính và các chỉ số tài chính
- Thông tin kế toán, tài chính trong việc ra quyết định

9.4. Hành vi tổ chức

Mã học phần: BSA1396

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu: Học phần tập trung nghiên cứu các hành vi của cá nhân và nhóm trong tổ chức, giúp người học phân tích những thay đổi và xung đột nhằm thiết kế cơ cấu tổ chức hiệu quả. Sinh viên được trang bị kiến thức hệ thống để vận dụng tư duy phản biện trong việc giải quyết các tình huống tổ chức khó xử và đưa ra các kiến nghị hành động có cơ sở. Bên cạnh đó, môn học giúp người học hình thành kỹ năng giao tiếp, phối hợp nhóm bằng công cụ công nghệ và xây dựng thái độ làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu văn hóa đa dạng của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về hành vi tổ chức
- Cơ sở hành vi cá nhân và tạo động lực cho cá nhân trong tổ chức
- Cơ sở hành vi nhóm và giao tiếp trong nhóm
- Lãnh đạo, quyền lực và mâu thuẫn trong nhóm
- Cơ cấu của tổ chức
- Văn hóa tổ chức

9.5. Quản trị học

Mã học phần: BSA1328

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Không

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho người học năng lực cốt lõi trong lĩnh vực quản trị, bao gồm các chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát hoạt động của tổ chức nhằm đạt đến mục tiêu chung trong điều kiện biến động của môi trường. Thông qua môn học, sinh viên có khả năng phân tích các quan điểm quản trị và yếu tố môi trường để ra quyết định giải quyết các tình huống chuyên môn cụ thể. Đồng thời, học phần rèn luyện tư duy phản biện, hệ thống trong việc triển khai các hoạt động quản trị, mô tả tiến trình quản trị thực tế của doanh nghiệp để phát triển ý tưởng khởi nghiệp và nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp và cộng đồng.

Nội dung học phần:

- Nhập môn quản trị học
- Các quan điểm quản trị
- Môi trường quản trị
- Thông tin trong quản trị
- Chức năng hoạch định
- Chức năng tổ chức
- Chức năng lãnh đạo
- Chức năng kiểm soát
- Một số vấn đề của quản trị học hiện đại

9.6. Phân tích dữ liệu trong kinh doanh

Mã học phần: VLG1302

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Không

Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức và kỹ năng cốt lõi về phân tích dữ liệu kinh doanh. Sinh viên học cách sử dụng thống kê mô tả, trực quan hóa dữ liệu, khai phá dữ liệu, hồi quy, dự báo và tối ưu hóa để hỗ trợ ra quyết định quản trị. Học phần giúp sinh viên phân tích xu hướng, rủi ro, cơ hội kinh doanh, xác định giải pháp quản trị và ý tưởng kinh doanh tiềm năng, đồng thời biết áp dụng phần mềm phân tích dữ liệu để trình bày và diễn đạt kết quả một cách logic, rõ ràng và thuyết phục cho các bên liên quan.

Nội dung học phần:

- Giới thiệu về phân tích kinh doanh
- Thống kê mô tả
- Trực quan hóa dữ liệu
- Xác suất và mô hình hóa sự không chắc chắn
- Hồi quy tuyến tính và dự báo
- Khai phá dữ liệu
- Tối ưu hóa và ra quyết định

9.7. Marketing căn bản

Mã học phần: MAR1322

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Không

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống khái niệm, nguyên lý cơ bản và những xu hướng phát triển mới nhất trong lĩnh vực marketing. Người học sẽ nắm vững quy trình marketing, cách thức phân tích môi trường và hành vi khách hàng để thiết kế các hoạt động marketing định hướng giá trị dựa trên bộ công cụ marketing hỗn hợp. Bên cạnh đó, môn học giúp sinh viên làm quen với các công nghệ số trong marketing, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả và hình thành thái độ tôn trọng đạo đức nghề nghiệp cũng như trách nhiệm xã hội trong bối cảnh kinh doanh hiện đại.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về marketing
- Hệ thống thông tin marketing
- Môi trường marketing
- Hành vi khách hàng
- Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường
- Quyết định về sản phẩm

- Quyết định về giá
- Quyết định về kênh phân phối
- Quyết định về xúc tiến hỗn hợp
- Marketing trong môi trường số

9.8. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý

Mã học phần: INT13132

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng thực tiễn về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý theo hướng đối tượng. Sinh viên nắm được các kiểu hệ thống thông tin, quy trình phân tích - thiết kế (thu thập yêu cầu, phân tích, thiết kế), các khái niệm đối tượng, biểu đồ UML và các phương pháp phát triển phần mềm. Học phần giúp sinh viên áp dụng các kỹ thuật này để phát triển hệ thống ứng dụng thực tế như quản lý thư viện, quản lý môn học hoặc thương mại điện tử, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và sử dụng công cụ UML.

Nội dung học phần:

- Các kiểu hệ thống thông tin
- Các khái niệm cơ bản về đối tượng và các biểu đồ UML
- Các phương pháp luận phát triển phần mềm
- Thu thập yêu cầu
- Phân tích yêu cầu
- Thiết kế kiến trúc hệ thống
- Thiết kế kiến trúc và thiết kế chi tiết hệ thống

9.9. Lập trình Python cơ bản

Mã học phần: AI1303

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Không

Mục tiêu: Học phần "Lập trình Python cơ bản" nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập trình với ngôn ngữ Python, tạo nền tảng cho những môn học sau. Nội dung học phần xoay quanh các kiến thức chính như các công cụ hỗ trợ lập trình Python, câu lệnh điều khiển, hàm, module, cấu trúc dữ liệu cơ bản, lập trình hướng đối tượng (OOP) và xử lý tệp tin. Sinh viên sẽ học được cách viết mã Python hiệu quả, hiểu các nguyên lý cơ bản của

lập trình, sẵn sàng cho các môn học nâng cao và các ứng dụng chuyên sâu trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

Nội dung học phần:

- Giới thiệu về Python
- Python cơ bản
- Cấu trúc dữ liệu trong Python
- Hướng đối tượng trong Python
- Dự án nhóm

9.10. Nhập môn Khoa học dữ liệu

Mã học phần: INT14150

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Lý thuyết xác suất và thống kê

Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học dữ liệu cùng các phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu chuyên sâu. Người học được cung cấp kiến thức về quy trình chuẩn bị dữ liệu (thu thập, làm sạch, chuẩn hóa, giảm chiều và biến đổi dữ liệu), trực quan hóa dữ liệu và các phương pháp phân tích như dự đoán, phân loại, phân cụm và hệ khuyến nghị. Bên cạnh đó, môn học giúp sinh viên hình thành kỹ năng áp dụng kiến thức vào việc giải quyết các dạng dữ liệu thực tế và đánh giá hiệu quả của các mô hình phân tích.

Nội dung học phần:

- Mở đầu
- Chuẩn bị dữ liệu
- Trực quan hóa dữ liệu
- Học máy
- Cơ sở dữ liệu và SQL
- Hệ khuyến nghị

9.11. Nền tảng phát triển trí tuệ nhân tạo

Mã học phần: AI1308

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Lập trình Python cơ bản

Mục tiêu: Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hành để sử dụng, quản lý các công cụ và nền tảng hỗ trợ phát triển AI. Sinh viên được làm quen với môi trường làm việc

trên các hệ điều hành Windows và Linux, bao gồm quản lý tệp, cài đặt thư viện và thực thi ứng dụng. Ngoài ra, môn học tập trung vào việc sử dụng GitHub để quản lý mã nguồn, cộng tác nhóm và kiểm soát phiên bản, đồng thời tích hợp các workflow tự động hóa (CI/CD). Người học cũng được hướng dẫn triển khai, vận hành và tối ưu hóa các mô hình AI trên các nền tảng đám mây phổ biến như Azure AI, Google Cloud AI và AWS AI.

Nội dung học phần:

- Giới thiệu về nền tảng phát triển AI và vai trò của hệ điều hành
- Cơ bản về hệ điều hành Windows: Quản lý tệp và thư viện
- Cơ bản về hệ điều hành Linux: Cấu trúc thư mục và quản lý dòng lệnh
- Linux nâng cao: Shell scripting và quản lý gói
- Windows nâng cao: PowerShell và tự động hóa
- Quản lý và tối ưu hóa môi trường làm việc AI trên cả Windows và Linux
- Quản lý mã nguồn và làm việc nhóm với GitHub
- Giới thiệu và triển khai giải pháp AI trên Azure AI
- Triển khai giải pháp AI trên Google Cloud AI và AWS AI

9.12. Đạo đức và chính sách trí tuệ nhân tạo

Mã học phần: AI1305

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Không

Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên nền tảng về các nguyên tắc đạo đức cốt lõi như tính minh bạch, công bằng và quyền riêng tư trong phát triển, ứng dụng AI. Người học sẽ được tìm hiểu tác động của AI đến các khía cạnh xã hội (việc làm, tự do, an ninh) và phân tích các rủi ro tiềm tàng. Môn học cung cấp kiến thức về hệ thống chính sách, luật lệ quốc tế, giúp sinh viên hiểu rõ bối cảnh pháp lý và quản trị AI. Qua đó, người học có thể xác định trách nhiệm đạo đức của nhà phát triển, xây dựng chiến lược thiết kế hệ thống AI an toàn và vận dụng các khung nguyên tắc vào thực tiễn để đảm bảo sự phát triển bền vững.

Nội dung học phần:

- Giới thiệu về AI và các vấn đề đạo đức
- Nguyên tắc đạo đức AI
- Tác động xã hội và văn hóa của AI
- Quyền riêng tư và bảo mật trong AI
- Trách nhiệm pháp lý và quản trị AI
- Tương lai của AI: Xu hướng và thách thức

9.13. Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo

Mã học phần: BSA13120

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và công cụ quản trị công nghệ cùng quản trị đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Sinh viên được trang bị khả năng phân tích, hoạch định và triển khai chiến lược công nghệ, lựa chọn và chuyển giao công nghệ, quản trị hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D), quản trị tri thức, quy trình phát triển và thương mại hóa sản phẩm đổi mới, đồng thời hoàn thiện tư duy phản biện, sáng tạo và khả năng thích nghi trong môi trường kinh doanh thay đổi liên tục.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo
- Chiến lược công nghệ và đổi mới sáng tạo
- Phân tích, lựa chọn và chuyển giao công nghệ
- Quản trị hoạt động nghiên cứu & phát triển và tri thức
- Quản trị đổi mới sáng tạo
- Thiết kế, phát triển và thương mại hóa sản phẩm đổi mới sáng tạo

9.14. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Mã học phần: BSA1489

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Sinh viên nắm được các khái niệm, hành trình khởi nghiệp, các vấn đề cốt lõi của khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, quy trình khám phá và kiểm chứng khách hàng, công cụ xây dựng mô hình kinh doanh, cũng như các kỹ năng gọi vốn và làm việc với nhà đầu tư. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy sáng tạo, khả năng áp dụng công cụ thực tiễn để xây dựng mô hình kinh doanh và sẵn sàng tham gia các hoạt động khởi nghiệp.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
- Các vấn đề cốt lõi của khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
- Công cụ và phương pháp khám phá khách hàng và kiểm chứng khách hàng
- Các vấn đề gọi vốn và gặp gỡ nhà đầu tư

9.15. Quản trị tài năng

Mã học phần: VLG1403

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu: Học phần cung cấp nền tảng lý thuyết và phương pháp tiếp cận hiện đại về quản trị tài năng, nhấn mạnh vai trò chiến lược của nguồn nhân lực chất lượng cao trong tổ chức. Nội dung học phần bao quát các hoạt động cốt lõi như thu hút, đánh giá, phát triển, kế nhiệm và giữ chân nhân tài, gắn với bối cảnh chuyên đổi số. Đồng thời, học phần tích hợp ứng dụng phân tích dữ liệu trong quản trị tài năng nhằm hỗ trợ ra quyết định hiệu quả. Bên cạnh đó, người học được phát triển tư duy chiến lược, năng lực phân tích và nhận thức về các vấn đề đạo đức, công bằng và pháp lý trong quản trị nhân lực hiện đại.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về quản trị tài năng
- Hoạch định và thu hút tài năng
- Quản trị hiệu suất và đánh giá tài năng
- Phát triển và kế nhiệm tài năng
- Gắn kết và tạo động lực cho tài năng
- Ứng dụng phân tích dữ liệu trong quản trị tài năng

9.16. Ứng dụng phân tích dữ liệu trong đổi mới sản phẩm

Mã học phần: VLG1404

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và công cụ khai thác dữ liệu trong toàn bộ quy trình phát triển và đổi mới sản phẩm, từ xác định vấn đề, thấu hiểu khách hàng đến định vị giá trị, phát triển sản phẩm và tối ưu hóa trải nghiệm người dùng. Sinh viên được trang bị khả năng áp dụng phân tích dữ liệu, AI, UX Analytics cùng các khung tư duy Lean Product để đưa ra quyết định dựa trên bằng chứng, đồng thời hiểu rõ các nguyên tắc quản trị dữ liệu và bảo mật khi phát triển sản phẩm trong môi trường kinh doanh số.

Nội dung học phần:

- Tổng quan phân tích dữ liệu trong phát triển sản phẩm
- Thấu hiểu khách hàng bằng dữ liệu
- Định vị giá trị sản phẩm
- Ứng dụng công nghệ và dữ liệu trong phát triển sản phẩm
- Quản trị dữ liệu và bảo vệ quyền riêng tư

9.17. Quản trị dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

Mã học phần: VLG1405

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Phân tích dữ liệu trong kinh doanh

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên nền tảng lý luận, công cụ và kỹ năng quản trị dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong môi trường bất định. Sinh viên được trang bị khả năng nhận diện cơ hội, khởi xướng dự án, thiết kế và triển khai dự án theo các phương pháp linh hoạt (Agile, Lean Startup), quản trị rủi ro, nguồn lực, giám sát học hỏi và điều chỉnh dự án, đồng thời biết thương mại hóa sản phẩm và định hướng phát triển dự án nhằm tạo ra giá trị bền vững.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về quản trị dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
- Khởi xướng và định hình dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
- Thiết kế và triển khai dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
- Quản trị và kiểm soát dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
- Giám sát, học hỏi và thích ứng dự án khởi nghiệp
- Thương mại hóa và định hướng phát triển dự án khởi nghiệp

9.18. Tài chính khởi nghiệp

Mã học phần: VLG1406

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Kế toán cho kinh doanh

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng quản trị tài chính trong doanh nghiệp khởi nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới sáng tạo và kinh tế số. Sinh viên nắm được đặc điểm tài chính của startup, cách lập kế hoạch tài chính, quản trị dòng tiền, định giá doanh nghiệp khởi nghiệp, các nguồn vốn và quy trình gọi vốn, cấu trúc thương vụ đầu tư, cũng như chiến lược thoái vốn. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy tài chính, khả năng phân tích và ra quyết định tài chính phù hợp để hỗ trợ xây dựng và phát triển dự án khởi nghiệp bền vững.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về tài chính khởi nghiệp
- Lập kế hoạch tài chính và quản trị dòng tiền
- Định giá doanh nghiệp khởi nghiệp
- Các nguồn vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp

- Quy trình gọi vốn
- Cấu trúc thương vụ và đàm phán đầu tư
- Quản trị tài chính sau đầu tư và chiến lược thoái vốn

9.19. *Đổi mới mô hình kinh doanh sáng tạo*

Mã học phần: VLG1407

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cốt lõi về đổi mới mô hình kinh doanh sáng tạo. Sinh viên nắm vững các công cụ phân tích ngành, chiến lược kinh doanh, thiết kế mô hình kinh doanh (Business Model Canvas), phát triển mô hình kinh doanh bền vững (Circular Economy) và quản trị đa mô hình kinh doanh trong bối cảnh SMEs, khởi nghiệp và chuyển đổi số, từ đó có khả năng cụ thể hóa ý tưởng sáng tạo thành mô hình kinh doanh khả thi, bền vững và có tính cạnh tranh cao.

Nội dung học phần:

- Tổng quan phân tích ngành
- Chiến lược kinh doanh
- Mô hình kinh doanh
- Phát triển mô hình kinh doanh bền vững
- Các vấn đề mở rộng trong mô hình kinh doanh

9.20. *Quản trị rủi ro và khủng hoảng*

Mã học phần: BSA14124

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng thực tiễn về quản trị rủi ro và khủng hoảng trong môi trường kinh doanh hiện đại. Sinh viên được trang bị khả năng nhận diện, phân tích, đo lường và kiểm soát các loại rủi ro; xây dựng kế hoạch ứng phó và phục hồi sau khủng hoảng; đồng thời vận dụng công nghệ số, truyền thông khẩn cấp và văn hóa tổ chức để nâng cao năng lực quản trị rủi ro. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy hệ thống, khả năng ra quyết định dưới áp lực và ý thức trách nhiệm với tổ chức, xã hội trong bối cảnh bất định và biến động.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về rủi ro và khủng hoảng trong môi trường hiện đại
- Nhận dạng và phân tích rủi ro

- Kiểm soát và tài trợ rủi ro
- Văn hóa tổ chức và lãnh đạo trong quản trị rủi ro – khủng hoảng
- Quản trị khủng hoảng và truyền thông khẩn cấp
- Ứng dụng công nghệ số trong quản trị rủi ro và khủng hoảng
- Phục hồi và tái cấu trúc sau khủng hoảng

9.21. *Quản trị sản phẩm*

Mã học phần: VLG1408

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên nền tảng lý thuyết và kỹ năng thực tiễn về quản trị sản phẩm trong bối cảnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Sinh viên nắm được quy trình quản trị sản phẩm từ nghiên cứu khách hàng, xây dựng chiến lược sản phẩm, phát triển sản phẩm mới (Design Thinking, Lean Startup, Agile), quản trị vòng đời sản phẩm đến đo lường hiệu quả và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng. Học phần giúp sinh viên phát triển năng lực thiết kế, phát triển và thương mại hóa sản phẩm, đồng thời nâng cao khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu và tư duy sản phẩm hiện đại.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về quản trị sản phẩm
- Nghiên cứu khách hàng và cơ hội thị trường
- Chiến lược sản phẩm và Product-Market Fit
- Thiết kế và phát triển sản phẩm
- Quản trị phát triển sản phẩm theo Agile và Scrum
- Đo lường hiệu quả và quản trị vòng đời sản phẩm

9.22. *Học phần doanh nghiệp*

Mã học phần: VLG1409

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề

Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên năng lực áp dụng tổng hợp kiến thức quản trị đổi mới sáng tạo và công nghệ thông tin vào một dự án hoặc vấn đề phát triển bền vững thực tiễn trong kinh doanh, nhằm đưa ra giải pháp dưới dạng sản phẩm có tính năng tối thiểu (MVP). Sinh viên phát triển khả năng phân tích tình huống phức tạp, thúc đẩy đổi mới, giải quyết vấn đề, quản trị dự án và giao tiếp hiệu quả trong môi trường thực tiễn.

Nội dung học phần:

- Thực hành nghiên cứu thị trường & khách hàng
- Phát triển ý tưởng giải pháp
- Xây dựng & hoàn thiện giải pháp công nghệ
- Thực hiện kiểm thử và hoàn thiện sản phẩm

9.23. Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề

Mã học phần: VLG1301

Số tín chỉ: 3

Học phần tiên quyết: Không có

Mục tiêu:

- Trang bị cho người học kiến thức nền tảng về tư duy thiết kế, bao gồm các khái niệm, nguyên lý, quy trình và vai trò của tư duy thiết kế trong giải quyết vấn đề và đổi mới sáng tạo.

- Giúp người học hiểu và vận dụng các phương pháp, công cụ của tư duy thiết kế trong việc khám phá người dùng, xác định vấn đề và phát triển giải pháp phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

- Phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua việc áp dụng quy trình tư duy thiết kế từ thấu cảm, xác định vấn đề, phát triển ý tưởng, tạo nguyên mẫu và kiểm thử giải pháp.

- Nâng cao khả năng làm việc nhóm, giao tiếp, trình bày và bảo vệ ý tưởng; đồng thời hình thành tư duy lấy người dùng làm trung tâm và tinh thần đổi mới sáng tạo trong học tập và công việc.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề
- Tư duy thiết kế trong đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
- Thấu cảm người dùng (empathize)
- Xác định vấn đề (define)
- Phát triển ý tưởng (ideate)
- Tạo nguyên mẫu (prototype)
- Kiểm thử và đánh giá giải pháp (test)
- Ứng dụng tư duy thiết kế trong giải quyết vấn đề

9.24. Quản lý tài sản trí tuệ

Mã học phần: VLG1410

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết: Không

Mục tiêu:

- Mô tả được hệ thống pháp luật và đầy đủ các đối tượng SHTT; nắm nguyên tắc/điều kiện bảo hộ

- Phân tích, so sánh các hình thức bảo hộ và cơ chế bảo vệ quyền SHTT; đánh giá lựa chọn biện pháp phù hợp.

- Vận dụng kiến thức để tra cứu, nhận diện khả năng bảo hộ, soạn thảo điều khoản cơ bản và đề xuất phương án xử lý tình huống.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về sở hữu trí tuệ

- Quyền tác giả và quyền liên quan

- Quyền sở hữu công nghiệp cho đối tượng sáng tạo

- Quyền sở hữu công nghiệp cho đối tượng chỉ dẫn thương mại

- Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

- Khai thác quyền sở hữu trí tuệ

9.25. Quản trị ESG và phát triển bền vững

Mã học phần: VLG1411

Số tín chỉ: 2

Học phần tiên quyết: Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề

Mục tiêu:

Trang bị cho người học kiến thức nền tảng về ESG và phát triển bền vững, bao gồm các nguyên tắc, cấu phần và vai trò của ESG trong quản trị doanh nghiệp hiện đại.

Phát triển khả năng phân tích, đánh giá và tích hợp các yếu tố ESG vào chiến lược và hoạt động kinh doanh, gắn với quản trị rủi ro và tạo giá trị dài hạn.

Rèn luyện kỹ năng đo lường, báo cáo và sử dụng thông tin ESG, bao gồm phân tích báo cáo ESG và áp dụng các công cụ tài chính bền vững, đầu tư có trách nhiệm.

Hình thành năng lực tư duy hệ thống và ra quyết định trong bối cảnh phát triển bền vững, thông qua việc phân tích các tình huống thực tiễn và tác động đa chiều của hoạt động doanh nghiệp.

Nội dung học phần:

- Tổng quan về ESG và phát triển bền vững

- Quản trị môi trường và xã hội

- ESG trong quản trị doanh nghiệp\
- Đo lường, báo cáo và tiêu chuẩn ESG
- ESG trong chiến lược và tài chính bền vững

9.26. Thực tập

Mã học phần: VLG1512

Số tín chỉ: 4

Học phần tiên quyết: Không

Mục tiêu: Học phần Chuyên đề thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề tại cơ sở thực tập một cách có hệ thống, khoa học. Học phần được thiết kế theo mô hình Project-Based Learning (PBL) gắn với doanh nghiệp và mentor. Sinh viên làm việc theo nhóm để giải quyết một bài toán thực tiễn, phát triển giải pháp đổi mới sáng tạo hoặc mô hình kinh doanh và thực hiện thử nghiệm (prototype/pilot).

Nội dung học phần:

- Định hướng và lập kế hoạch
- Tìm hiểu tổng thể doanh nghiệp
- Xác định vấn đề trọng tâm
- Nhận diện cơ hội đổi mới sáng tạo
- Hình thành ý tưởng sơ bộ (Problem–Solution Fit)
- Hoàn thiện báo cáo và tổng kết thực tập

9.27. Đề án tốt nghiệp

Mã học phần: VLG1513

Số tín chỉ: 6

Học phần tiên quyết: Thực tập

Mục tiêu: Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần capstone nhằm đánh giá toàn diện năng lực của sinh viên thông qua việc triển khai một dự án quản trị, đổi mới sáng tạo hoặc khởi nghiệp gắn với thực tiễn doanh nghiệp.

Trên cơ sở ý tưởng được hình thành từ học phần Chuyên đề thực tập tốt nghiệp, sinh viên tiếp tục phát triển, kiểm chứng và hoàn thiện giải pháp hoặc mô hình kinh doanh thông qua các phương pháp như phân tích dữ liệu, thử nghiệm (prototype/pilot) và đánh giá tính khả thi.

Học phần giúp sinh viên tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp để giải quyết vấn đề thực tiễn một cách có hệ thống, đồng thời phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng, tư duy phản biện, sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.

Nội dung học phần:

- Chọn đề tài nghiên cứu
- Thiết lập đề cương nghiên cứu
- Thực hiện nội dung nghiên cứu, Thiết kế giải pháp
- Thử nghiệm & kiểm chứng
- Viết và hoàn thiện đề án tốt nghiệp
- Bảo vệ và đánh giá đề án tốt nghiệp

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG
PGS.TS Trần Quang Anh

KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN TRỊ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KHỞI NGHIỆP

NĂM HỌC THỨ NHẤT

NĂM HỌC THỨ HAI

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Triết học Mác Lênin	3	HK1
2	Toán cao cấp cho kinh tế	4	HK1
3	Pháp luật và sở hữu trí tuệ	2	HK1
4	Lập trình Python cơ bản	3	HK1
5	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	2	HK1
	Giáo dục thể chất 1		
	Giáo dục quốc phòng		

14

6	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	HK2
7	Tiếng Anh (Course 1)	4	HK2
8	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	HK2
9	Quản trị học	3	HK2
10	Kinh tế vi mô 1	3	HK2
11	Tâm lý quản lý	2	HK2
	Giáo dục thể chất 2		HK2

17

NĂM HỌC THỨ BA

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	HK5
2	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	HK5
3	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	2	HK5
4	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo	3	HK5
5	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	HK5
6	Tổ hợp học phần tự chọn 1	6	HK5

19

7	Kế toán cho kinh doanh	3	HK6
8	Ứng dụng phân tích dữ liệu trong đổi mới sản phẩm	3	HK6
9	Quản trị dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	HK6
10	Quản trị tài năng	3	HK6
11	Học phần doanh nghiệp	4	HK6

16

Tổ hợp học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 Tổ hợp)

(1) Tổ hợp 1 kinh doanh và quản lý

Văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3
Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	3
Thương mại điện tử căn bản	3
Kinh doanh quốc tế	3
Quản trị vận hành	3

(2) Tổ hợp 2 công nghệ

Nhập môn học máy	3
Nhập môn học sâu	3
Phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo	3
An toàn hệ thống thông tin kinh doanh	3
Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	HK3
2	Tiếng Anh (Course 2)	4	HK3
3	Toán kinh tế	3	HK3
4	Nhập môn khoa học dữ liệu	3	HK3
5	Kinh tế vi mô 1	3	HK3
6	Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề	3	HK3

18

8	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	HK4
9	Tiếng Anh (Course 3)	4	HK4
10	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	HK4
11	Marketing căn bản	3	HK4
12	Hành vi tổ chức	3	HK4
13	Nền tảng phát triển trí tuệ nhân tạo	3	HK4

18

NĂM HỌC THỨ TƯ

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Tài chính khởi nghiệp	3	HK7
2	Quản trị sản phẩm	3	HK7
3	Đổi mới mô hình kinh doanh sáng tạo	3	HK7
4	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	3	HK7
5	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	HK7
6	02 học phần tự chọn	4	HK7

18

7	Thực tập	4	HK8
8	Đồ án tốt nghiệp	6	HK8

10

TỔNG CỘNG:

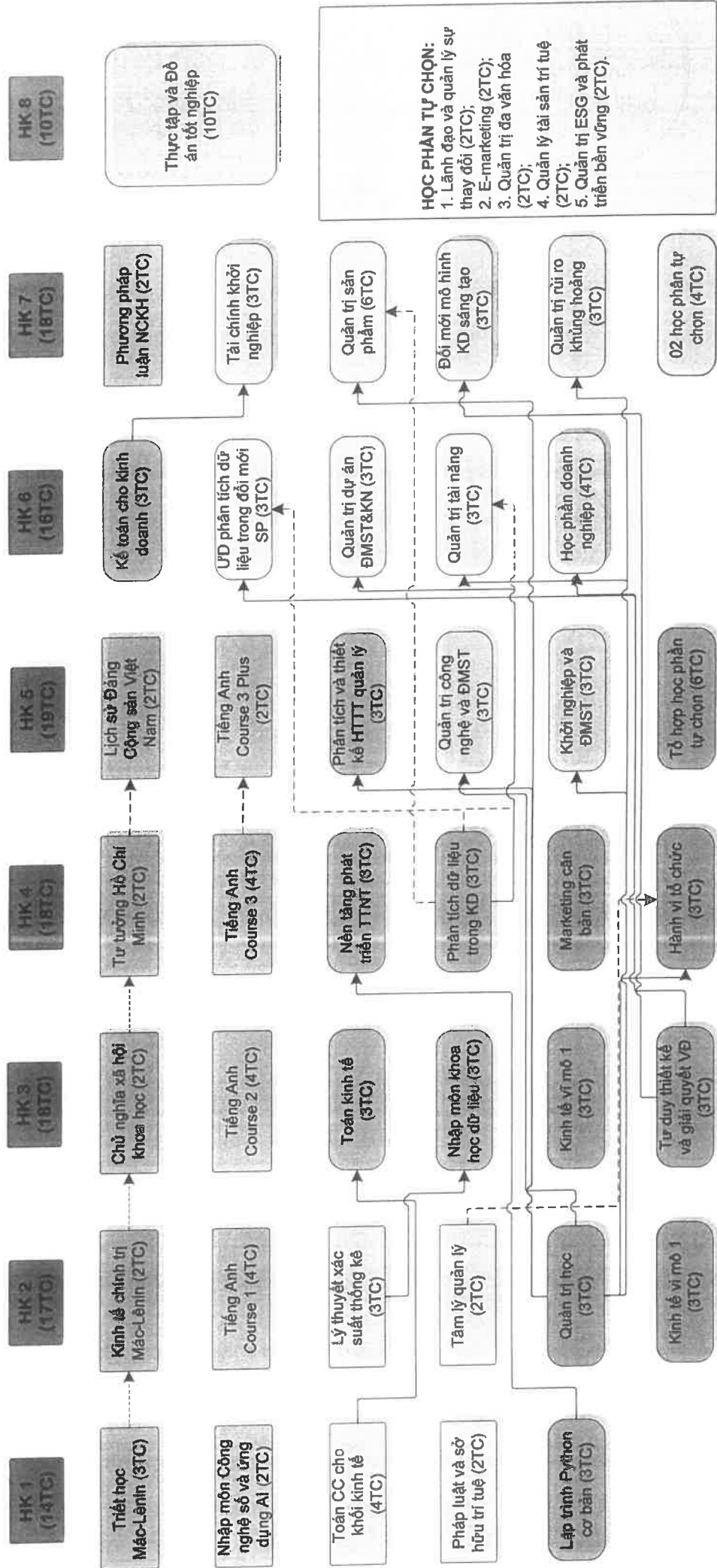
130

Học phần tự chọn

Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi	2
E-marketing	2
Quản trị đa văn hóa	2
Quản lý tài sản trí tuệ	2
Quản trị ESG và phát triển bền vững	2

TIẾN TRÌNH HỌC TẬP THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

Chương trình Quản trị Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (ngành Quản trị kinh doanh)



TỔ HỢP HỌC PHÂN TỰ CHỌN:
Tổ hợp kinh doanh và quản lý:
 1. Văn hóa KD và trách nhiệm XH của DN (3TC);
 2. Giao tiếp và đàm phán trong KD (3TC);
 3. Thương mại điện tử căn bản (3TC);
 4. Kinh doanh quốc tế (3TC);
 5. Quản trị vận hành (3TC).
Tổ hợp công nghệ:
 1. Nhập môn học máy (3TC);
 2. Nhập môn học sâu (3TC);
 3. Phát triển TTNT (3TC);
 4. An toàn hệ thống thông tin KD (3TC);
 5. Ứng dụng TTNT trong KD (3TC).

Chú giải

Kiến thức chung Kiến thức cơ sở ngành và ngành Học phần Trước

Kiến thức KHTN/KHXH Kiến thức chuyên ngành Học phần tiên quyết

---> - - ->

**TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN VÀ DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC (TIỀN QUYẾT, TRƯỚC SAU)
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ ĐỐI MỚI SÁNG TẠO VÀ KHỞI NGHIỆP (NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH)**

TT	Tên học phần	Mã số học phần - Số TC				Năm học				Tiền quyết	Môn học trước
		Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4		
1	Triết học Mác - Lênin	BAS1150	3	HK1							
2	Toán cao cấp cho kinh tế	BAS1267	4	HK1							
3	Pháp luật và sở hữu trí tuệ	BSA12117	2	HK1							
4	Lập trình Python cơ bản	AI1303	3	HK1							
5	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	INT11205	2	HK1							
6	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	BAS1151	2	HK2							Triết học Mác - Lênin
7	Tiếng Anh Course 1	BAS1157	4	HK2							
8	Lý thuyết xác suất và thống kê	BAS1210	3	HK2							
9	Quản trị học	BSA1328	3	HK2							
10	Kinh tế vi mô 1	BSA1310	3	HK2							
11	Tâm lý quản lý	BSA1236	2	HK2							
12	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2	HK3							Kinh tế CT trị Mác-Lênin
13	Tiếng Anh Course 2	BAS1158	4	HK3							Tiếng Anh Course 1
14	Toán kinh tế	BSA1241	3	HK3						Toàn cao cấp cho kinh tế	
15	Nhập môn khoa học dữ liệu	INT14150	3	HK3						Lý thuyết xác suất và thống kê	
16	Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	3	HK3							
17	Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề	VLG1301	3	HK3							
18	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	VLG1302	3	HK4							
19	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	BAS1153	2	HK4							Chủ nghĩa XHKH
20	Tiếng Anh Course 3	BAS1159	4	HK4							Tiếng Anh Course 2
21	Marketing căn bản	MAR1322	3	HK4							
22	Hành vi tổ chức	BSA1396	3	HK4						Quản trị học	Tâm lý quản lý
23	Nền tảng phát triển trí tuệ nhân tạo	AI1308	3	HK4						Lập trình Python cơ bản	
24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	HK5							Lịch sử Đảng CSVN
25	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý	INT13132	3	HK5						Quản trị học	
26	Tiếng Anh Course 3 Plus	BAS1160	2	HK5							Tiếng Anh Course 3
27	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo	BSA13120	3	HK5						Quản trị học	
28	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	BSA1489	3	HK5						Quản trị học	
29	Tổ hợp học phần tự chọn		6	HK5							
30	Kế toán cho kinh doanh	FIA1389	3	HK6							
31	Ứng dụng phân tích dữ liệu trong đổi mới sản phẩm	VLG1404	3	HK6						Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề	Phân tích dữ liệu trong KD
32	Quản trị dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	VLG1405	3	HK6						Phân tích dữ liệu trong KD	
33	Quản trị tài năng	VLG1403	3	HK6						Quản trị học	Phân tích dữ liệu trong KD
34	Học phần doanh nghiệp	VLG1409	4	HK6						Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề	
35	Tài chính khởi nghiệp	VLG1406	3	HK7						Kế toán cho kinh doanh	

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số TC	Năm học				Tiên quyết	Môn học trước
				Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4		
36	Quản trị sản phẩm	VLG1408	3			HK7	Quản trị học	Phân tích dữ liệu trong KD	
37	Đổi mới mô hình kinh doanh sáng tạo	VLG1407	3			HK7	Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề		
38	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	BSA14124	3			HK7	Quản trị học		
39	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2			HK7			
40	02 môn tự chọn **		4			HK7			
41	Thực tập	VLG1512	4			HK8			
42	Đề án tốt nghiệp	VLG1513	6			HK8			

TỔNG CỘNG:	130	14	17	18	18	19	16	18	10
-------------------	------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

Chọn 1 trong 2 Tổ hợp học phần tự chọn

1. Tổ hợp kinh doanh và quản lý (chọn 2/5)

Vấn hóa kinh doanh và trách nhiệm XH của DN	BSA13121	3
Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	BSA13118	3
Thương mại điện tử căn bản	BSA1365	3
Kinh doanh quốc tế	BSA1387	3
Quản trị vận hành	BSA14122	3

2. Tổ hợp công nghệ (chọn 2/5)

Nhập môn học máy	AI1309	3
Nhập môn học sâu	INT14154	3
Đạo đức và chính sách trí tuệ nhân tạo	AI1305	3
An toàn hệ thống thông tin kinh doanh	INT13222	3
Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	FIA14123	3

Các học phần tự chọn (chọn 2/5))

Quản lý tài sản trí tuệ	VLG1410	2
E-marketing	MAR1427	2
Quản trị đa văn hóa	BSA14135	2
Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi	BSA14133	2
Quản trị ESG và phát triển bền vững	VLG1411	2

Quản trị học

Lập trình Python cơ bản

Quản trị học

Quản trị học

Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề

MA TRẬN LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA VỚI CÁC HỌC PHẦN/MÔN HỌC

TT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA						
		LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7
Kiến thức chung								
1	Triết học Mác-Lênin	I(Y)		I(Y)				I(Y)
2	Kinh tế chính trị Mác- Lênin		I(Y)	I(Y)				I(X,A)
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học			I(Y)		I(Y)		I(Y)
4	Tư tưởng Hồ chí Minh	I(Y)	I(Y)					I(Y)
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	I(Y)						
6	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	I(Y)						
7	Tiếng Anh Course 1							
8	Tiếng Anh Course 2							
9	Tiếng Anh Course 3							
10	Tiếng Anh Course 3 Plus							
Kiến thức khoa học cơ bản								
11	Toán cao cấp cho kinh tế	I(X, A)	I(Y)	I(X, A)				
12	Lý thuyết xác suất và thống kê	I(X,A)	I(Y)	I(X,A)				
13	Pháp luật và sở hữu trí tuệ	I(Y)	I(Y)					I(X, A)
14	Tâm lý quản lý					I(X,A)	I(X,A)	I(Y)
15	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	R(Y)	R(Y)	R(Y)				
Kiến thức cơ sở								
Kiến thức cơ sở khối ngành Kinh doanh và Quản lý								
16	Toán kinh tế	I(Y)	I(Y)	I(X,A)				
17	Kinh tế vi mô 1		I(X,A)	I(Y)	I(X,A)		I(Y)	
18	Kinh tế vĩ mô 1	I(X,A)	R(Y)				R(Y)	
19	Tư duy thiết kế và giải quyết vấn đề	R(Y)		R(X,A)			R(X,A)	R(Y)
20	Kế toán cho kinh doanh		R(Y)		R(X,A)			R(X,A)
21	Hành vi tổ chức			R(Y)		R(X,A)		E(X,A)
22	Quản trị học		I(X,A)	I(Y)	I(X,A)			I(Y)
23	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh		R(X,A)		R(X,A)	R(Y)		
24	Marketing căn bản	R(Y)	R(X,A)				R(X,A)	
Kiến thức cơ sở khối ngành công nghệ và dữ liệu								
25	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý		R(X,A)			R(Y)	R(X,A)	
26	Lập trình Python cơ bản				I(Y)	I(X,A)	I(X,A)	
27	Nhập môn khoa học dữ liệu	R(Y)	R(X,A)		R(Y)			
28	Nền tảng phát triển trí tuệ nhân tạo	R(X,A)		R(X,A)			R(Y)	
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 tổ hợp) – Tổ hợp kinh doanh và quản lý (chọn 2/5 môn)								
29	Văn hóa kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	R(X,A)		R(X,A)		R(Y)		R(Y)
30	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh							
31	Thương mại điện tử căn bản							
32	Kinh doanh quốc tế							
33	Quản trị vận hành							
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 tổ hợp) – Tổ hợp công nghệ (Chọn 2/5 môn)								
34	Nhập môn học máy	R(X,A)		R(X,A)		R(Y)		R(Y)
35	Nhập môn học sâu							
36	Đạo đức và chính sách trí tuệ nhân tạo							
37	An toàn hệ thống thông tin kinh doanh							

TT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA						
		LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7
38	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh							
Khối kiến thức chuyên ngành								
39	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo			R(Y)	R(X,A)	R(X,A)	R(Y)	
40	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	E(X,A)		E(Y)	E(X,A)			E(Y)
41	Quản trị tài năng		E(X,A)	E(Y)	E(Y)			
42	Ứng dụng phân tích dữ liệu trong đổi mới sản phẩm	E(Y)	E(X,A)			E(X,A)	E(Y)	
43	Quản trị dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp			E(X,A)	E(Y)		E(Y)	E(Y)
44	Tài chính khởi nghiệp	E(X,A)	E(Y)		E(Y)			R(Y)
45	Đổi mới mô hình kinh doanh sáng tạo		E(Y)	E(Y)	E(X,A)	R(X,A)		
46	Quản trị rủi ro và khủng hoảng		E(Y)	E(Y)				R(X,A)
47	Quản trị sản phẩm				E(Y)	E(X,A)		E(Y)
48	Học phần doanh nghiệp			E(Y)	E(Y)	E(Y)	E(X,A)	
Học phần tự chọn (2/5)								
49	Quản lý tài sản trí tuệ			E(Y)	E(X,A)		E(Y)	
50	E-marketing							
51	Quản trị đa văn hóa							
52	Lãnh đạo và quản lý sự thay đổi							
53	Quản trị ESG và phát triển bền vững							
54	Thực tập tốt nghiệp	E(X,A)	E(Y)	E(X,A)	E(Y)	E(X,A)	E(X,A)	E(X,A)
55	Đồ án tốt nghiệp	E(X,A)	E(X,A)	E(X,A)	E(X,A)	E(X,A)	E(X,A)	E(X,A)
Kỹ năng mềm								
1	Kỹ năng thuyết trình							
2	Kỹ năng làm việc nhóm							
3	Kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt							
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc							
5	Kỹ năng giao tiếp							
6	Kỹ năng tư duy sáng tạo							

Ghi chú:

I,R,E: mức độ đóng góp của học phần, tương ứng: Giới thiệu, cơ bản (I), Củng cố, phát triển thêm (R), Nâng cao, hoàn thiện (E)

X: đóng góp trực tiếp

Y: đóng góp gián tiếp

A: dùng để đo lường đóng góp vào PLO